TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK HÀ
TỈNH KON TUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2023/DS- ST
Ngày: 09/5/2023
V/v "Tranh chấp kiện đòi tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK HÀ TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà:* Ông Phạm Trọng Hàn

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Vũ Văn Linh

2. Bà Phạm Thị Giang

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 49/2022/TLST – DS ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc: *"Tranh chấp kiện đòi tài sản"*. (Tạm đình chỉ số 01/2023/QĐST-DS ngày 06/3/2023, tiếp tục giải quyết số 01/QĐST-DS ngày 21/3/2023). Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 05/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Ngọc T. Địa chỉ: Thôn 6, xã Đoàn Kết, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Có mặt

Bị đơn: Anh Lê Bá Đ, sinh năm 1972. Địa chỉ: 72 Hai Bà Trưng, tổ dân phố 3, thị trấn Đăk Hà, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Trường D, sinh năm 1957. Địa chỉ: Thôn Gia Hòa, xã Đ Thắng, huyện Mộ Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Anh Đỗ Quốc V, sinh năm 1989 và chị Nguyễn Thị Lệ Quyên, sinh năm 1987. Cùng địa chỉ: 78 Đống Đa, tổ 5, phường Tháng Lợi, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1974. Nơi đăng ký HKTT: 3/28 Đông Tác, Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Chỗ ở hiện nay: 72 Hai Bà Trưng, tổ dân phố 3, thị trấn Đăk Hà, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

***** *Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/8/2022, đơn sửa đổi bổ sung ngày 22/8/2022, các bản tự khai, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc T trình bày:*

Ngày 18/11/2021 anh T có nhận chuyển nhượng của anh Lê Bá Đ thửa đất 11, tờ bản đồ 13 tại thôn 7, xã Ngọc Wang, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum mang tên Lê Bá Đ và 7m đất mặt đường liên xã (đất này của ông Danh), giá trị chuyển nhượng là 600.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi giao tiền thì anh chỉ sang tên chuyển nhượng được lô đất rẫy còn 7m đất mặt đường của ông Danh thì anh Đ không sang tên chuyển nhượng được cho anh. 7m đất này anh và anh Đ thỏa thuận trước đó là 40.000.000 đồng. Anh đã làm việc với anh Đ và ông Danh nhiều lần nhưng anh Đ vẫn không làm sang tên cho anh được. Ngày 07/01/2022 anh Đ có nhận nợ của anh số tiền là 30.000.000 đồng. Số tiền này là anh đứng ra trả nợ thay cho anh Đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đăk Hà. Đến nay, anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Lê Bá Đ trả cho anh số tiền 70.000.000 đồng. Trong đó, 40.000.000 đồng là số tiền 7m đất mà anh Đ không sang tên chuyển nhượng được cho anh và 30.000.000 đồng là số tiền anh Đ nhận nợ với anh.Về tiền án phí: Anh Đ là bị đơn phải chịu.

Tại biên bản lấy lời khai, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn anh Lê Bá Đ trình bày: Vào ngày 18/11/2021 anh Đ có chuyển nhượng cho anh Đỗ Quốc Việt một lô đất tại Ngọc Wang, Đăk Hà, Kon Tum và 7m đất mặt đường liên xã (đất này là đất anh Đ mua lại từ ông Nguyễn Trường Danh. Địa chỉ trước đây:Thôn 7, xã Ngọc Wang, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum) đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, với giá trị là 600.000.000 đồng. Quá trình mua bán chuyển nhượng anh Việt và anh đã thỏa thuận là bên B (bên mua) có trách nhiệm sang tên chuyển nhượng và bên A không còn trách nhiệm gì. Nay, anh T khởi kiện anh số tiền 70.000.000 đồng anh không đồng ý. Trường hợp anh T muốn anh làm Giấy chứng nhận đối với 7m đất này thì phải cho anh thêm thời gian và số tiền chi phí hợp lý thì anh đồng ý tiến hành các thủ tục sang tên chuyển nhượng cho anh T. Ngoài ra anh không đồng ý số tiền nào.Về tiền chậm trả và án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trường Danh trình bày: Trước đây ông Danh có một mảnh rẫy tại thôn 7, xã Ngọc Wang, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum. Trong quá trình sử dụng vì có một số lô đất liền kề sát rẫy của ông bao gồm cả lô của anh Lê Bá Đ không có lối đi nên ông Danh đã cho anh Đ và các hộ khác một lối đi có chiều ngang mặt đường là 3m, chiều dài từ đường nhựa liên xã đến rẫy nhà anhLê Bá Đ. Sau này anh Đ có mua thêm của ông Danh 4m đất mặt đường với giá 20.000.000 đồng, anh Đ đã trả 18.000.000 đồng. Cả 7m đất này hiện đều nằm trong giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất của ông Danh và

chưa sang tên cho anh Đ. Vì ông Danh đã nhận bán cho anh Đ 4m đất mặt đường nên ông Danh đồng ý thực hiện các thủ tục sang tên chuyển nhượng đối với diện tích đất trên cho anh Đ hoặc người nhận chuyển nhượng lại của anh Đ, mọi chi phí do bên nhận chuyển nhượng chịu toàn bộ. Ông Danh xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại các phiên tòa của Tòa án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Quốc Việt và chị Nguyễn Thị Lệ Quyên trình bày: Vào cuối năm 2021 anh Việt và chị Quyên thông qua anh Nguyễn Ngọc T có nhận chuyển nhượng một lô đất của anh Lê Bá Đ tại thôn 7, xã Ngọc Wang, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum, diện tích 19.058m^2. Trong quá trình mua bán anh Việt và chị Quyên có biết việc giữa anh T và anh Đ có thỏa thuận về 7m đất mặt đường vào rẫy. Sau khi vợ chồng anh chị nhận chuyển nhượng mảnh đất rẫy thì đã sang tên chuyển nhượng xong, tuy nhiên đối với 7m đất mặt đường thì giữa anh T và anh Đ đã không thỏa thuận được. Đến nay anh T khởi kiện đối với 7m đất trên anh chị có ý kiến là anh chị không có liên quan gì đến 7m đất tranh chấp chấp này, đây là thỏa thuận giữa anh T và anh Đ, anh chị không có yêu cầu gì, không tranh chấp gì đối với 7m đất này với anh T hoặc anh Đ. Đối với số tiền 30 triệu anh T yêu cầu anh Đ phải trả, đây là tiền anh Đ vay của anh T tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Hà, có sự chứng kiến của anh Việt. Số tiền này cũng là của anh T, không liên quan đến anh Việt, không có bất kì sự cấn trừ nào giữa anh Đ với vợ chồng anh chị. Anh Việt và chị Quyên xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại các phiên tòa của Tòa án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Lý trình bày: Việc mua bán chuyển nhượng đất đai đều do anh Lê Bá Đ chồng chị Lý thực hiện, chị chỉ ký tên để anh Việt và chị Quyên sang tên chuyển nhượng, chị không biết gì về việc mua bán chuyển nhượng này. Mọi ý kiến của anh Lê Bá Đ đều là ý kiến của chị, chị không có ý kiến gì bổ sung và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án trên vắng mặt chị trong toàn bộ quá trình tố tụng cũng như tại các phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của những người tham gia tố tụng: Thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn anh Lê Bá Đ phải trả cho anh Nguyễn Ngọc T số tiền 30.000.000 đồng. Không chấp nhận đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền 40.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào ý kiến của đương sự tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Đây là vụ án "Tranh chấp kiện đòi tài sản" giữa nguyên đơn là anh Nguyễn Ngọc T. Địa chỉ: Thôn 6, xã Đoàn Kết, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum với bị đơn anh Lê Bá Đ, sinh năm 1972. Địa chỉ: 72 Hai Bà Trưng, tổ dân phố 3, thị trấn Đăk Hà, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà được quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Những người này đều đã có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:*Anh Nguyễn Ngọc T khởi kiện yêu cầu anh Lê Bá Đ phải trả cho anh số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng). Trong đó: 40.000.000 đồng là số tiền tương ứng với 7m đất mà anh Đ không sang tên chuyển nhượng được cho anh và 30.000.000 đồng là số tiền anh Đ nhận nợ với anh. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ anh T cung cấp cho Tòa án một giấy nhận nợ được viết bằng giấy ô ly mực xanh có ghi tên người nhận nợ là Lê Bá Đ nhận nợ số tiền là 30.000.000 đồng vào ngày 07/01/2022. Một hợp đồng đặt cọc giữa anh Lê Bá Đ và anh Nguyễn Ngọc T ngày 18/11/2021.

[3.1] Đối với số tiền 30.000.000 đồng: Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa các bên đương sự đều thừa nhận: Giấy nhận nợ trên là do anh Nguyễn Ngọc T viết, anh Đ ký tên vào giấy nhận nợ này với số tiền là 30.000.000 đồng. Tại phiên tòa anh Đ trình bày: Anh T có đứng ra trả số tiền này thay anh Đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Hà và đến nay anh Đ chưa trả được cho anh T. Anh Đỗ Quốc Việt, chị Nguyễn Thị Lệ Quyên và anh Nguyễn Ngọc T đều không thừa nhận về việc đã cấn trừ số tiền này cho anh Lê Bá Đ, số tiền này là anh Đ vay riêng của anh T không liên quan đến việc chuyển nhượng đất đai. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền là 30.000.000 đồng là có căn cứ cần được chấp nhận.

[3.2] Đối với số tiền 40.000.000 đồng mà nguyên đơn cho rằng đây là số tiền tương ứng với 7m đất mà anh Đ không sang tên chuyển nhượng được cho anh theo hợp đồng đặt cọc ngày 18 tháng 11 năm 2021. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành ủy thác thu thập tài liệu chứng cứ và lấy lời khai của ông Nguyễn Trường Danh, ông Danh cho biết hiện nay 7m đất này đang nằm trong giấy chứng nhận QSDĐ của gia đình ông, ông Danh thừa nhận có bán cho anh Đ 4m đất với giá 20.000.000 đồng, 3m đất còn lại là ông Danh cho anh Đ và những hộ khác một lối đi, ông Danh không bán 3m đất này. Ngoài ra, Tòa án đã tiến hành đối chất giữa nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Anh Việt và chị Quyên thừa nhận anh chị có nhận chuyển nhượng đất rẫy của anh Đ thông

qua anh T với giá chuyển nhượng là 600.000.000 đồng *(Sáu trăm triệu đồng)*. Anh chị đã trả đủ tiền. Đối với 7m đất này vợ chồng anh chị không tranh chấp và không có yêu cầu gì.

Hội đồng xét xử xét thấy: Xét về hợp đồng đặt cọc ngày 18/11/2021 thì tài sản đặ cọc là thửa đất số 11, tờ bản đồ 13. Địa chỉ thôn 7, xã Ngọc Wang, huyện Đăk Hà tỉnh Kon Tum. Giá trị chuyển nhượng là 600.000.000 đồng, đặt cọc số tiền là 50.000.000 đồng. Thỏa thuận: Bên A có trách nhiệm hối thục ông Danh làm bìa để cho bên B đường 7m. Bên B có trách nhiệm đưa tiền cho bên A lấy bìa đỏ giao cho bên B, bên B là xong. Hợp đồng đặt cọc này đặt cọc đối với tài sản là thửa đất rẫy số 11 còn đối với 7m đất đường thì các bên chỉ thỏa thuận hối thúc để làm bìa. Tại phiên tòa anh Lê Bá Đ trình bày: anh chuyển nhượng cho anh Việt và chị Quyên 01 rẫy với giá là 600.000.000 đồng và cho thêm 7m đất đường, anh đã giao bìa đỏ và giấy tờ viết tay về 7m đất đường cho anh Việt và chị Quyên. Hợp đồng đặt cọc này giữa anh T với anh Đ đã được thực hiện thông qua hợp đồng chuyển nhượng ngày 07 tháng 01 năm 2022 giữa anh Lê Bá Đ, chị Nguyễn Thị Lý với anh Đỗ Quốc Việt và chị Nguyễn Thị Lệ Quyên. Trong hợp đồng chuyển nhượng các bên không có thỏa thuận gì đối với 7m đất này. Hợp đồng chuyển nhượng đã đượ các bên đã thực hiện xong về quyền và nghĩa vụ. Vì vậy, hợp đồng đặt cọc giữa anh T và anh Đ đã hết hiệu lực và được thay thế bằng hợp đồng chuyển nhượng. Nay, anh Việt và chị Quyên không có tranh chấp, yêu cầu gì đối với 7m đất này. Nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc T không cung cấp được các tài liệu chứng cứ nào khác về việc có thỏa thuận mua bán 7m đất này của anh Đ với giá là 40.000.000 đồng.

Đối với giấy nhận nợ ngày 07/01/2022 phần cuối của giấy thể hiện: Nếu anh Đ không sang tên chuyển nhượng được 7m đất theo thỏa thuận thì anh Đ phải trả cho anh T số tiền là 70.000.000 đồng. Tại phiên tòa anh T thừa nhận về việc viết thêm nội dung 70.000.000 đồng vào giấy nhận nơ này. Vì vậy, nội dung đối với số tiền 70.000.000 đồng là không có giá trị. Tại phiên tòa, anh Đ không thừa nhận có sự thỏa thuận nào với anh T về số tiền 40.000.000 đồng. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền 40.000.000 đồng tương ứng với 7m đất trên. Trường hợp các bên có tranh chấp về đất đai thì làm đơn khởi kiện thành một vụ án khác.

Từ nội dung vụ án và các phân tích ở trên, có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Không chấp nhận đối với số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

[3] *Về án phí:* Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn anh Lê Bá Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền là: 1.500.000 đồng *(Một triệu năm trăm ngàn đồng)*.

Nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật đối với số tiền không được chấp nhận là 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng)*.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91; Điều 92, Điều 93, Điều 147; Điều 203; điểm b, khoản 2 Điều 227 Điều 235; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc T đối với bị đơn anh Lê Bá Đ theo đơn khởi kiện đề ngày 17/8/2022, đơn sửa đổi bổ sung ngày 22/8/2022.

[2] Buộc bị đơn anh Lê Bá Đ có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc T số tiền là 30.000.000 đồng *(Ba mươi triệu đồng)*.

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015: Kể từ ngày anh Nguyễn Ngọc T có đơn yêu cầu thi hành án, mà anh Lê Bá Đ không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng anh Lê Bá Đ còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Không chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc T về việc buộc bị đơn anh Lê Bá Đ trả số tiền 40.000.000 đồng *(Bốn mươi triệu đồng)*.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 3 Điều 144; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.Áp dụng Điều 6; điều 18; khoản 1 Điều 24; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị đơn anh Lê Bá Đ phải chịu số tiền 1.500.000 đồng *(Một triệu năm trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc T phải chịu số tiền 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum trước đó là 1.750.000 đồng (*Một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng*) theo biên lai số AA/2021/0001719 ngày 11 tháng 11 năm 2022. Anh Nguyễn Ngọc T còn phải nộp số tiền 250.000 đồng *(Hai trăm năm mươi ngàn đồng)*.

[6] Trong thời hạn hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (*09/5/2023)* nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao Đà Nẵng;
- TAND Tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đăk Hà;
- Chi cục THADS huyện Đăk Hà;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Trọng Hàn